

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM

Tel: 08.38553118 Fax:08.38564307

Báo cáo tài chính

Quý 02 năm tài chính 2012

Mẫu số B 01-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2 - 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm (01/01/2012)	Số cuối kỳ (30/06/2012)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72,415,305,421	82,918,786,131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12,942,756,222	2,910,743,738
1. Tiền	111	V.1	12,942,756,222	2,910,743,738
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,159,318,505	25,185,323,860
1. Phải thu khách hàng	131		25,621,747,845	19,567,284,677
2. Trả trước cho người bán	132		348,758,007	5,404,790,788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	508,002,515	534,836,976
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(319,189,862)	(321,588,581)
IV. Hàng tồn kho	140		32,478,912,364	52,789,094,574
1. Hàng tồn kho	141	V.4	32,803,625,008	52,955,893,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(324,712,644)	(166,798,638)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		834,318,330	2,033,623,959
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		603,308,758	788,440,745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		163,038,643	882,191,337
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4,082,929	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		63,888,000	362,991,877
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45,292,422,762	46,030,955,167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		28,784,006,227	30,194,216,628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26,858,199,150	26,487,594,622
- Nguyên giá	222		40,328,531,192	40,152,523,618
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,470,332,042)	(13,664,928,996)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		167,790,500	167,790,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167,790,500)	(167,790,500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,925,807,077	3,706,622,006
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		593,000,000	593,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		593,000,000	593,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,915,416,535	15,243,738,539
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	15,915,416,535	15,233,738,539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	10,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117,707,728,183	128,949,741,298

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm (01/01/2012)	Số cuối kỳ (30/06/2012)
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26,889,949,163	40,172,150,111
I. Nợ ngắn hạn	310		25,955,474,574	39,932,101,922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	3,914,000,000	19,756,975,000
2. Phải trả người bán	312		11,501,169,033	13,054,508,163
3. Người mua trả tiền trước	313		464,597,112	759,475,788
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	1,029,219,717	506,633,198
5. Phải trả người lao động	315		4,849,893,081	2,888,770,223
6. Chi phí phải trả	316	V.17	977,870,168	480,375,374
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2,094,388,439	2,037,815,198
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	29,202,000
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,124,337,024	418,346,978
II. Nợ dài hạn	330		934,474,589	240,048,189
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		231,827,397	230,957,280
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		702,647,192	9,090,909
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89,247,689,974	86,231,747,464
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	89,247,689,974	86,231,747,464
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56,655,300,000	56,655,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12,325,320,000	12,325,320,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2,352,678,643	2,352,678,643
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,275,267,777)	(3,275,267,777)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1,584,205	1,476,212
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,587,864,435	11,587,864,435
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,874,518,505	1,874,518,505
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,725,691,963	4,709,857,446
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	
1. Nguồn kinh phí	432		0	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		1,570,089,046	2,545,843,723
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117,707,728,183	128,949,741,298
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		262,466,525	262,466,525
5. Ngoại tệ các loại	05		68,525.66	723.52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM:

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM

Tel: 08.38553118 Fax: 08.38564307

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm tài chính 2012

Mẫu số B 02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT- QUÝ 2 NĂM 2012

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	70,993,860,642	63,546,202,650	95,385,082,905	86,279,393,360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	124,182,871	162,305,517	281,831,526	510,613,968
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	70,869,677,771	63,383,897,133	95,103,251,379	85,768,779,392
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	57,279,749,689	53,076,924,148	74,308,947,830	70,004,864,898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		13,589,928,082	10,306,972,985	20,794,303,549	15,763,914,494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	815,366,885	258,771,407	1,006,434,314	395,577,015
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1,378,328,620	591,761,688	1,678,008,498	863,561,812
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		779,630,319	477,960,953	942,287,020	632,260,953
8. Chi phí bán hàng	24		3,881,167,623	3,398,690,848	5,766,378,627	5,363,651,082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,676,807,414	4,100,098,668	9,590,469,225	6,769,406,533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		3,468,991,310	2,475,193,188	4,765,881,513	3,162,872,082
11. Thu nhập khác	31	VI.33	14,916,084	27,811,187	112,874,869	94,195,898
12. Chi phí khác	32	VI.34	2,647,214	143,771,169	270,940,626	145,744,560
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		12,268,870	(115,959,982)	(158,065,757)	(51,548,662)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		3,481,260,180	2,359,233,206	4,607,815,756	3,111,323,420
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		387,219,046	314,928,026	527,848,345	405,575,009
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3,094,041,134	2,044,305,180	4,079,967,411	2,705,748,411
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(97,321,601)	(45,278,747)	(20,624,824)	7,120,554
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		3,191,362,735	2,089,583,927	4,100,592,235	2,698,627,857
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		593	388	762	502

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM

Tel: 08.38553118 Fax: 08.38564307

Báo cáo tài chính

Quý 02 năm tài chính 2012

Mẫu số B 03-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPTT - QUÝ 2 - 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103,631,399,485	95,885,647,136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(103,017,909,747)	(82,475,232,424)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12,379,245,219)	(10,857,623,268)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(942,287,020)	(632,260,953)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(616,316,664)	(1,377,763,961)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,186,605,418	1,346,369,121
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,623,704,527)	(5,159,678,612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19,761,458,274)	(3,270,542,961)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,165,169,483)	(2,286,015,888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18,610,000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,000,000,000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,400,000,000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		585,780,517	389,189,490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(160,778,966)	(1,896,826,398)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,000,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		51,323,613,820	10,324,226,789
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35,480,638,820)	(3,288,656,867)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,952,750,251)	(6,667,406,068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9,890,224,749	368,163,854
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(10,032,012,491)	(4,799,205,505)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,942,756,222	11,727,343,351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7	37,706,863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,910,743,738	6,965,844,709

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Lập bảng

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HCM
Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. HCM
Tel: 08.38553118 Fax: 08.38564307

Báo cáo tài chính
Quý 02 năm tài chính 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **QUÝ 2 - NĂM 2012**

I. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách & Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách & Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN-ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa. In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy tính
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- Đào tạo nghề
- Cho thuê văn phòng

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng

- Địa chỉ trụ sở chính : 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty con: Công ty cổ phần Giáo Dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 223 Nguyễn Tri Phương, P9, Q5, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động chính của Công ty con là: Giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông. Dạy nghề. Dạy ngoại ngữ, dạy máy tính. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính
Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam
Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

1- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3- Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4- Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và

phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

5- Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài Chính.

6- Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

7- Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

8- Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

9- Ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

10- Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11-Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

12-Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

13- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - + Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - + Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14-Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

15- Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng

Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

+ Ngoài ra, năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài chính.

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

+ Công ty mẹ được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2006 Công ty mẹ đã có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty mẹ được miễn thuế trong 2 năm (2006 - 2007) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (Từ năm 2008 đến hết năm 2010).

+ Ngoài ra, Công ty mẹ còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty mẹ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (năm 2011 - 2012).

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
- Tiền mặt tại quỹ (VND)	520,728,338	261,744,064
-Tiền gửi ngân hàng	2,390,015,400	12,681,012,158
Cộng	#REF!	12,942,756,222

03. Các khoản phải thu khác:

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
Phải thu Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam -(quỹ khen thưởng)	505,292,562	505,292,562
Phải thu khác	29,544,414	2,709,953
Cộng	534,836,976	508,002,515

* Dự phòng phải thu khó đòi:

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
--	------------------	-----------------

Các khoản nợ phải thu trên 3 năm	174,933,100	151,677,100
Các khoản nợ phải thu từ 2 năm đến dưới 3 năm	0	36,146,755
Các khoản nợ phải thu từ 1 năm đến dưới 2 năm	146,655,481	131,366,007

Cộng**321,588,581****319,189,862****04. Hàng tồn kho****6/30/2012****1/1/2012****VND****VND**

- Nguyên liệu, vật liệu	9,019,402,684	7,870,643,040
- Công cụ, dụng cụ	147,038,527	66,860,375
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,844,730,628	1,566,445,687
- Thành phẩm	14,363,390,529	7,707,601,375
- Hàng hóa	27,581,330,844	15,592,074,531

Cộng**52,955,893,212****32,803,625,008****05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước****6/30/2012****1/1/2012****VND****VND**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp		4,082,929
------------------------------	--	-----------

Cộng**0****4,082,929****08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số 01/04/2012	26,679,755,129	8,895,921,628	3,347,099,831	1,449,156,095	40,371,932,683
Mua trong năm		418,403,000	145,568,182		563,971,182
Xây dựng mới					0
Thanh lý, bán			737,015,638	46,364,609	783,380,247
Giảm khác					0
Số 30/06/2012	26,679,755,129	9,314,324,628	2,755,652,375	1,402,791,486	40,152,523,618
Khấu hao					
Số 01/04/2012	5,520,004,257	5,729,809,710	1,863,102,205	824,486,145	13,937,402,317
Khấu hao trong kỳ	176,111,304	213,195,047	69,286,182	52,314,393	510,906,926
Giảm khác					0
Thanh lý bán			737,015,638	46,364,609	783,380,247
Số 30/06/2012	5,696,115,561	5,943,004,757	1,195,372,749	830,435,929	13,664,928,996
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21,159,750,872	3,166,111,918	1,483,997,626	624,669,950	26,434,530,366
Số 30/06/2012	20,983,639,568	3,371,319,871	1,560,279,626	572,355,557	26,487,594,622

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số 01/04/2012	0	167,790,500	167,790,500
Tăng trong năm			0
Giảm khác			0
Số 30/06/2012	0	167,790,500	167,790,500

Khấu hao

Số 01/04/2012	0	167,790,500	167,790,500
Khấu hao trong kỳ			0
Giảm trong năm			0
Số 30/06/2012	0	167,790,500	167,790,500
Giá trị còn lại			
Số 01/04/2012	0	-	0
Số 30/06/2012	0	-	0

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Sửa chữa Nhà Xưởng Tân Tạo	95,454,544	
Cải tạo, sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương, Q5, TP.HCM	2,361,709,608	1,884,897,986
Sửa chữa Cơ Sở 3 Trường - 780 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận	1,249,457,854	40,909,091
Cộng	3,706,622,006	1,925,807,077

13. Đầu tư dài hạn khác

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào các Công ty	593,000,000	593,000,000
- Công ty CP Sách Giáo Dục Tây Ninh	103,000,000	103,000,000
- Công ty CP DV NXB GD Gia Định	490,000,000	490,000,000
Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	593,000,000	593,000,000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1,533,924,566	1,307,082,878
Sửa chữa Tân Tạo		40,022,895
Sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương	2,376,719,036	2,525,200,207
Sửa chữa 122 Phan Văn Trị	422,223,729	517,053,815
Sửa chữa 116 Đinh Tiên Hoàng	526,432,813	0
Sửa chữa Bình Dương	19,754,801	27,162,851
Sửa chữa khác chờ phân bổ	0	1,041,017,841
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần - Bình Dương	8,429,449,359	8,524,162,275
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân Tạo	1,887,618,629	1,911,922,733
Chi phí khác	37,615,606	21,791,040
Cộng	15,233,738,539	15,915,416,535

Quyền sử dụng đất ở Bình Dương với diện tích 20.600m² và thời hạn sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 49 năm.(26/12/2006->31/12/2055)

Quyền sử dụng đất ở Tân Tạo với diện tích 2.575 m² và thời hạn sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46 năm. (20/03/2001->17/06/2047)

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	6/30/2012	1/1/2012
	VND	VND
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương TP.HCM	1,949,975,000	
- Vay Ngân hàng Nông Nghiệp & PT Nông Thôn VN	155,000,000	347,000,000
- Vay cá nhân	17,652,000,000	3,567,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	19,756,975,000	3,914,000,000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	377,601,180	470,152,428
- Thuế thu nhập cá nhân	34,691,490	195,298,182
- Thuế giá trị gia tăng	94,340,528	363,769,107
- Tiền thuê đất	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
Cộng	506,633,198	1,029,219,717

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	6/30/2012 VND	1/1/2012 VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	226,512,834	
- Kinh phí công đoàn	307,814,737	351,657,162
- Bảo hiểm xã hội	9,210,201	2,324,818
- Bảo hiểm y tế	0	
- Phải trả về cổ phần hóa	723,771,000	723,771,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	
- Cổ tức phải trả	478,069,932	310,772,932
- Thuế TNCN tạm thu CB CNV	0	119,823,460
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	80,198,990	345,100,000
- CB CNV góp vốn Công ty CP GD An Đông	0	
- Khoản phải trả khác	212,237,504	240,939,067
Cộng	2,037,815,198	2,094,388,439

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	
Số dư 01/01/2011	56,655,300,000	1,845,562,255	10,619,105,350	1,375,716,000	
Tăng trong năm		507,116,388	968,759,085	498,802,505	
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Số dư 31/12/2011	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
Số dư 01/01/2012	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
Tăng trong năm					
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Số dư 30/06/2012	56,655,300,000	2,352,678,643	11,587,864,435	1,874,518,505	
	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2011	12,325,320,000	(3,275,267,777)	6,823,062	60,671,820	79,613,230,710
Tăng trong năm			58,767,290	11,161,047,289	13,194,492,557
Tăng khác					0
Giảm trong năm			64,006,147	3,496,027,146	3,560,033,293
Số dư 31/12/2011	12,325,320,000	(3,275,267,777)	1,584,205	7,725,691,963	89,247,689,974
Số dư 01/01/2012	12,325,320,000	(3,275,267,777)	1,584,205	7,725,691,963	89,247,689,974
Tăng trong năm			3,062,104	4,100,592,235	4,103,654,339
Tăng khác					0

Giảm trong năm			3,170,097	7,116,426,751	7,119,596,848
Số dư 30/06/2012	12,325,320,000	(3,275,267,777)	1,476,212	4,709,857,446	86,231,747,464

- Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ công ty

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 Tổng số VND	01/01/2012 Tổng số VND
Vốn đầu tư của Nhà Xuất Bản Giáo Dục	29,767,680,000	29,767,680,000
Vốn góp của cổ đông khác	24,042,620,000	24,042,620,000
Giá trị cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2,845,000,000	2,845,000,000
Cộng	56,655,300,000	56,655,300,000

c. Cổ phiếu	30/06/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,665,530	5,665,530
+ Cổ phiếu phổ thông	5,665,530	5,665,530
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	284,500	284,500
+ Cổ phiếu phổ thông	284,500	284,500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,381,030	5,381,030
+ Cổ phiếu phổ thông	5,381,030	5,381,030
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VNĐ

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(Mã số 01)	QUÝ 2/ 2012 VND	QUÝ 2/ 2011 VND
Tổng doanh thu	70,993,860,642	63,546,202,650
+ Doanh thu bán hàng sách và sản phẩm in	52,585,069,488	47,290,165,775
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	16,778,818,666	15,601,618,152
+ Doanh thu hoạt động giảng dạy	1,565,450,947	510,273,268
+ Doanh thu khác	64,521,541	144,145,455
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	124,182,871	162,305,517
+ Hàng bán bị trả lại	124,182,871	162,305,517
+ Giảm giá, chiết khấu		0
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(Mã số 10)	70,869,677,771	63,383,897,133
28. Giá vốn hàng bán(Mã số 11)	QUÝ 2/ 2012 VND	QUÝ 2/ 2011 VND
+ Giá vốn sách và sản phẩm in	45,144,363,612	40,905,701,041
+ Giá vốn thiết bị giáo dục	11,004,773,575	11,486,548,129
+ Giá vốn hoạt động giảng dạy	1,262,846,738	261,746,254
+ Giá vốn khác	25,679,770	1,494,091
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(157,914,006)	421,434,633
Cộng	57,279,749,689	53,076,924,148
29. Doanh thu hoạt động tài chính(Mã số 21)	QUÝ 2/ 2012 VND	QUÝ 2/ 2011 VND

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	272,024,085	258,771,407
- Cổ tức lợi nhuận được chia	124,708,251	0
- Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	418,634,549	0
Cộng	815,366,885	258,771,407

30. Chi phí hoạt động tài chính(Mã số 22)

	QUÝ 2/ 2012	QUÝ 2/ 2011
	VND	VND
- Lãi vay ngân hàng, cá nhân	779,630,319	477,960,953
- Chiết khấu thanh toán	598,698,301	113,800,735
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	
Cộng	1,378,328,620	591,761,688

33. Thu nhập khác(Mã số 31)

	QUÝ 2/ 2012	QUÝ 2/ 2011
	VND	VND
- Thu nhập khác	14,916,084	27,811,187
Cộng	14,916,084	27,811,187

34. Chi phí khác(Mã số 32)

	QUÝ 2/ 2012	QUÝ 2/ 2011
	VND	VND
- Chi phí khác	2,647,214	143,771,169
Cộng	2,647,214	143,771,169

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh